

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THANH TRỊ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 12-9-2018.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Tấn Nga.

- Ông Trần Văn Dá.

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – T ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Anh T, sinh năm 1983(có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Kim H1, sinh năm 1971

2. Bà Dư Thị H2, sinh năm 1969.

3. Ông Dư C, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ ấp M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Tất cả người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Anh T trình bày:

Bà và ông Trần Văn H cưới nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2016. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thất bại, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H nhiều lần đánh bà dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà và ông H không còn sống chung từ tháng 3/2018 cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H có một người con chung tên Trần TH, sinh ngày 13/02/2017 hiện con đang sống chung với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2018 của ông Trần Văn H trình bày:

Ông và bà T cưới nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn như bà T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông uống rượu dẫn đến mâu thuẫn, trong lúc cãi nhau ông có đánh bà T, tuy nhiên ông H không đồng ý ly hôn vì còn Thương vợ và hứa sửa chữa khuyết điểm.

Về con chung, thống nhất như bà T trình bày, đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng vì hiện nay ông chưa có thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho bà T và ông H ly hôn, giao con cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Trần Văn H. Nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt

không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Anh T với ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua kết quả xác minh, thu thập tài liệu cũng như qua lời trình bày của ông H cho thấy trong quá trình chung sống bà T và ông H thực tế có phát sinh mâu thuẫn do ông H uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình, bà T cũng có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết việc ông H đánh bà vào ngày 24/01/2018. Từ sự việc trên cho thấy rằng trong quá trình chung sống bà T và ông H có bất đồng quan điểm, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không dung hoà được và việc ông H dùng vũ lực đối với bà T là vi phạm luật hôn nhân và gia đình, việc ông H dùng vũ lực làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà T không đồng ý hàn gắn, xác định không còn tình cảm với ông H và xin ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Bà T và ông H có 01 người con chung tên Trần TH, sinh ngày 13/02/2017, hiện con đang sống chung với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy cháu TH còn nhỏ, đã sống ổn định với bà T nên giao cháu TH cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H cho rằng ông chưa có thu nhập nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy ông H không đồng ý cấp dưỡng là không phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên mức cấp dưỡng bà T yêu cầu là cao, ông H chưa có công việc tạo ra thu nhập ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy buộc ông H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nợ chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Anh T là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng, ông Trần Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Anh T được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trần TH, sinh ngày 13/02/2017 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 12/9/2018.

Ông Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009165 ngày 30/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà T đã nộp xong án phí. Ông Trần Văn H phải nộp án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng

